

# QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHÍNH SÁCH THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA TRUNG QUỐC TỪ NĂM 1949 ĐẾN NAY<sup>1</sup>

ThS. Lê Ngọc Huỳnh  
Viện Dân tộc học  
Email: huynhathno@gmail.com

**Tóm tắt:** Truyền thông được coi là phương tiện quan trọng chuyển tải thông điệp chính sách của nhà nước Trung Quốc đối với người dân, trong đó sử dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số là giải pháp hữu hiệu. Vì vậy, ngay sau khi thành lập nước năm 1949, Chính phủ Trung Quốc không ngừng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đội ngũ cán bộ, đổi mới trang thiết bị... cho phát triển lĩnh vực truyền thông dân tộc thiểu số. Đến nay, hệ thống thông tin cơ bản được hoàn thiện, nhất là việc sử dụng đa ngôn ngữ tộc người trong nội dung trên các phương tiện truyền thông. Điều này giúp nhà nước Trung Quốc dễ dàng tuyên truyền chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội..., trong đó luôn quán triệt tư tưởng đoàn kết dân tộc, chống kỳ thị tộc người, tôn giáo; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa mang tính bản sắc tộc người, tạo được sức ảnh hưởng đối với đồng tộc ở bên kia biên giới.

**Từ khóa:** Chính sách, thông tin truyền thông, dân tộc thiểu số, Trung Quốc.

**Abstract:** The media is considered an essential means of conveying the Chinese state's policy messages to the people, in which using ethnic minority languages is an effective solution. Therefore, right after the country's founding in 1949, the Chinese Government invested in building infrastructure and cadre systems and renewing equipment to develop ethnic minority communications. After the basic system had been completed, it made it easy for the Chinese state to propagate economic, cultural, and social policies. The communications included the ideology of national unity and fostered the fight against ethnic and religious discrimination, preserving and promoting cultural values that reflect the ethnic identity and creating influences on cross-border ethnic groups on the other side of the border.

**Keywords:** Policy, information and communications, ethnic minorities, China.

Ngày nhận bài: 10/2/2022; ngày gửi phản biện: 1/3/2022; ngày duyệt đăng: 28/3/2022

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: “Truyền thông và vấn đề xây dựng ý thức quốc gia ở một số tộc người vùng biên giới Việt - Trung tại tỉnh Lào Cai”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Hồng Thu làm chủ nhiệm giai đoạn 2021-2022.

## Mở đầu

Thống nhất đất nước trên một vùng lãnh thổ rộng lớn với nhiều thành phần tộc người (56 dân tộc) là một thắng lợi to lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng làm sao để toàn bộ người dân đoàn kết tạo thành khối thống nhất cùng nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản lại là vấn đề cấp bách cần giải quyết. Vì vậy, sau khi thành lập chính quyền mới (1949), giới lãnh đạo Trung Quốc đã đặt vấn đề tuyên truyền quan điểm chính trị của Đảng và nhà nước đến toàn thể nhân dân, cùng nhau đoàn kết xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cần hành động ngay. Cùng với đó là việc tìm kiếm giải pháp để nhân dân các dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống ở vùng sâu, khu vực biên giới tiếp nhận, hiểu được thông điệp từ Chính phủ.

Song song với chính sách truyền thông chung của cả nước, năm 1955 Quốc vụ viện và Bộ Truyền thông Trung Quốc ban hành “Thông báo xây dựng trạm thu phát thanh đối với các tỉnh biên giới và khu vực dân tộc thiểu số”, đặt cơ sở cho sự hình thành hệ thống pháp luật, thúc đẩy phát triển tin tức truyền thông cho vùng DTTS. Đến năm 1978, lĩnh vực này được đẩy mạnh hơn nữa qua chương trình hành động “mỗi thôn làng đều có đài phát thanh truyền hình”... Cùng với đó, đội ngũ cán bộ, phương tiện kỹ thuật và nguồn lực tài chính không ngừng tăng lên cho công tác xây dựng, biên dịch các tác phẩm văn học nghệ thuật, điện ảnh... có nội dung phản ánh hiện thực đời sống của người dân, nhất là của đồng bào DTTS sang ngôn ngữ một số tộc người để truyền tải trên đài phát thanh truyền hình, báo in có sử dụng chữ viết cho tộc người có chữ viết riêng. Với nỗ lực của nhiều tập thể và cá nhân, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện được nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao uy tín của Đảng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nhất là trong bối cảnh các thế lực thù địch bên ngoài sử dụng văn hóa, tôn giáo làm công cụ đấu tranh phá hoại đất nước Trung Quốc.

Sang thế kỷ XXI, dưới sự thúc đẩy của tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa, nguồn ngân sách dồi dào cùng với sự phát triển khoa học kỹ thuật đã giúp Trung Quốc nhanh chóng xây dựng, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho ngành thông tin truyền thông, nhất là mở rộng phạm vi phủ sóng mạng lưới internet tại khu vực biên giới và vùng có nhiều DTTS sinh sống. Từ đó, người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn thông tin, kiến thức khoa học, nâng cao trình độ học vấn, thay đổi nhận thức... Tuy nhiên, phương tiện truyền thông mới như điện thoại di động, phần mềm mạng xã hội wechat, weibo, tik tok đang làm thay đổi khuôn mẫu xã hội, lối sống, văn hóa của nhiều người dân các DTTS. Vì vậy, những năm gần đây, các nhà khoa học Trung Quốc thuộc nhiều lĩnh vực đã và đang tìm hiểu về chính sách thông tin truyền thông đối với cộng đồng này.

Dựa trên những nghiên cứu của giới học giả Trung Quốc về thông tin truyền thông đối với DTTS, bài viết này tiến hành tổng thuật và nêu ra một số chính sách của Chính phủ Trung Quốc đối với thông tin truyền thông ở vùng DTTS và đặc điểm của các chính sách đó. Từ đó, cung cấp

nguồn tài liệu tham khảo trong việc xây dựng và thực hiện chính sách truyền thông cho các DTTS ở Việt Nam, đặc biệt là khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

### **1. Xây dựng hệ thống pháp lý và mạng lưới phương tiện truyền thông**

Trong quá trình xây dựng đất nước, Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc luôn chú trọng công tác tuyên truyền tư tưởng chính trị, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho đồng bào các DTTS, trong đó truyền thông được lựa chọn làm công cụ quan trọng thực hiện nhiệm vụ này. Giới lãnh đạo Trung Quốc xác định khu vực biên giới rộng lớn với nhiều DTTS, giao thông đi lại khó khăn, trình độ học vấn còn nhiều hạn chế, do đó phát thanh và truyền hình được coi là công cụ tốt nhất. Bởi phát thanh và truyền hình có phạm vi truyền tải rộng giúp tất cả người dân có thể tiếp cận được thông tin, từ đó tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tuyên truyền chính sách của nhà nước, dự báo thời tiết giúp người dân thuận lợi hơn trong sản xuất cũng như thỏa mãn nhu cầu văn hóa giải trí. Ngày 29/03/1955 Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành “Thông báo xây dựng trạm thu phát thanh đối với các tỉnh biên giới và khu vực dân tộc thiểu số”, kèm theo là một số chỉ thị cụ thể đối với công tác xây dựng, cách thức thực hiện tuyên truyền chính sách nhà nước đến đồng bào DTTS. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, các địa phương giáp biên có nhiều DTTS sinh sống tích cực triển khai xây dựng trạm thu phát sóng. Nếu như năm 1952 các khu vực tự trị dân tộc của Trung Quốc chỉ có 5 đài phát thanh và số ít trạm thu phát sóng (Lý Thiên Lam, Vương Hạm Đông, 2013), thì đến cuối năm 1955 đã có khoảng 1.500 trạm thu phát sóng được xây dựng tại các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Tây Tạng, khu tự trị Nội Mông,... (Bạch Nhuận Sinh, Ninh Lương Hồng, 2008). Tháng 7/1959, Chính phủ Trung Quốc triệu tập Hội nghị bàn về công tác truyền thông, đánh giá hiện trạng truyền thông tại các tỉnh và khu tự trị có nhiều DTTS sinh sống. Qua đó đã quyết định thành lập Văn phòng đại diện của Tân Hoa xã tại Tân Cương, Thanh Hải, Vân Nam... để tìm hiểu và giúp đỡ hệ thống truyền thông của địa phương.

Trong giai đoạn Đại cách mạng văn hóa, tư tưởng chính trị sai lệch của cánh tả chi phối toàn bộ hoạt động truyền thông của Trung Quốc, nên nội dung chương trình phát thanh và báo chí bị cắt xén, chứa đựng nhiều thông tin không đúng thực tế. Song, do nhu cầu đầy mạnh công tác đấu tranh chính trị, ngành truyền thông đã nhanh chóng mở rộng cơ sở hạ tầng cần thiết. Năm 1969, Chính phủ Trung Quốc thử nghiệm xây dựng Đài phát thanh ở Tây Tạng và đến năm 1975 tại đây đã tổ chức Hội nghị quy hoạch phát triển xây dựng ngành truyền thông. Hội nghị đưa ra mục tiêu đẩy mạnh việc xây dựng các trạm thu phát thanh, phủ sóng trên diện rộng, phát triển các chuyên mục về nông thôn, vùng DTTS. Sau Hội nghị, Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư 111 vạn Nhân dân tệ (khoảng 4 tỷ VND<sup>2</sup>) xây dựng trạm giám sát phát sóng tại Tây Tạng để tăng cường độ phủ sóng và nâng cao chất lượng kết nối các chương trình của đài trung ương đến địa phương. Trạm giám sát này được hoàn thành và đưa vào vận hành năm 1977 đã tăng cường mức độ phủ sóng các chương trình phát thanh của trung ương đến toàn bộ người dân khu tự trị Tây Tạng (Bạch Nhuận Sinh, 2003).

<sup>2</sup> Số liệu này được tính theo tỷ giá hối đoái năm 2022, thiết nghĩ ở thời điểm năm 1975, khoản kinh phí đó là khá.

Sau Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc (1978), Chính phủ Trung Quốc chỉ đạo xây dựng ngành truyền thông theo hướng hiện đại hóa, bắt kịp xu thế quốc tế, tăng cường công tác tuyên truyền tư tưởng chính trị, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhiệm vụ này một lần nữa đặt công tác xây dựng hệ thống phát thanh truyền hình tại nông thôn, các vùng có nhiều DTTS và biên giới vào quỹ đạo phát triển mới. Trung Quốc đã huy động các nguồn lực thực hiện chương trình “Công trình mới miền Tây” và “Mỗi thôn làng có đài phát thanh truyền hình” (Đổng Hải An, 2009). Chương trình đã giúp cho mật độ trạm thu phát sóng từng bước mở rộng khắp nơi, dần hình thành quy mô, hệ thống theo các cấp hành chính; cơ sở hạ tầng kỹ thuật được nâng cao, chất lượng âm thanh, hình ảnh và đường truyền được cải thiện. Điều này đã thổi một làn gió mới vào đời sống tinh thần người dân các DTTS. Một trong những tỉnh thành công nhất là Thanh Hải, nơi đất rộng người thưa, địa bàn sinh sống của nhiều DTTS, vì đến cuối thập niên 1990, mức độ phủ sóng phát thanh truyền hình tại vùng nông thôn, miền núi, biên giới của tỉnh đạt 94,5% (Đổng Hải An, 2009). Bên cạnh đó, quãng thời gian này nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh và mạnh đã tạo ra nguồn lực tài chính lớn giúp các đài phát thanh từ trung ương đến địa phương xây dựng được đội ngũ phóng viên, biên tập viên đông đảo (khoảng 10.000 người vào năm 1994), nội dung chương trình phát thanh truyền hình phong phú, có tính thiết thực cao nên đã thu hút được đông đảo người dân quan tâm theo dõi (Trương Tiểu Bình, 1997).

Từ những 1990 trở lại đây, những người đứng đầu Đảng và Chính phủ Trung Quốc luôn quan tâm đến sự phát triển lĩnh vực thông tin truyền thông đối với DTTS. Năm 1992, tại Hội nghị công tác dân tộc trung ương, Chủ tịch nước Trung Quốc Giang Trạch Dân đã có bài phát biểu mang tính định hướng, thúc đẩy phát thanh truyền hình và xuất bản phẩm đối với vùng DTTS, biên giới. Kế thừa tư tưởng này, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã cho ban hành “Một số ý kiến về từng bước xây dựng nền văn hóa phong phú của các dân tộc”. Trong văn bản nêu rõ, cần nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật, trình độ, năng lực của đội ngũ phát thanh truyền hình vùng DTTS, tăng cường mức độ phủ sóng, tiếp tục xây dựng, củng cố thành quả của chương trình mỗi thôn đều có đài phát thanh, truyền hình (Lý Thiên Lam, Vương Hạm Đông, 2013). Năm 1999, Chính phủ Trung Quốc thực hiện chương trình Đại khai phát miền Tây hay còn gọi là Chương trình xóa đói giảm nghèo cho khu vực nông thôn, miền núi, biên giới nơi có nhiều đồng bào DTTS sinh sống. Chương trình có các hạng mục xây dựng mạng lưới phát thanh truyền hình, hạ tầng băng thông internet, giúp người dân nhanh chóng tiếp cận nguồn thông tin phong phú, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần, trợ giúp đồng bào DTTS phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người (Bạch Nhuận Sinh, 2003). Tính đến tháng 6/2010, các khu tự trị dân tộc trên cả nước Trung Quốc có 447 đài phát thanh truyền hình (Lý Thiên Lam, Vương Hạm Đông, 2013).

Trước xu thế số hóa tin tức diễn ra mạnh mẽ, năm 2015 Quốc vụ Viện Trung Quốc ban hành chỉ thị “Ý kiến về việc đẩy nhanh xây dựng hệ thống văn hóa công cộng hiện đại”, trong đó tăng cường phát triển phát thanh truyền hình ở vùng DTTS. Quá trình phát triển ấy

cần lấy người dân làm khách hàng để xây dựng nội dung chương trình phù hợp với nhu cầu thị hiếu của họ; sử dụng nền văn hóa phong phú của các DTTS làm chất liệu xây dựng phim truyện chứa đựng yếu tố tuyên truyền chính trị, kinh tế, văn hóa, nhằm quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc ra khu vực và thế giới, tạo nên kênh thu nhập mới cho người dân. Bên cạnh đó, báo chí tức là báo in cũng được quan tâm, bởi nó là sợi dây quan trọng trong mối liên kết giữa các DTTS với nhà nước, đồng thời hàm chứa chức năng chuyển tải chính sách, pháp luật của Đảng và Chính phủ Trung Quốc đối với các DTTS. Do đó, lĩnh vực báo in cũng được Chính phủ Trung Quốc coi trọng xây dựng và phát triển ngay những năm đầu thành lập nước. Năm 1950 của thế kỷ trước, hệ thống báo in của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã được xây dựng từ trung ương đến địa phương, trong đó có 21 tờ báo dành cho DTTS. Do các ấn phẩm phục vụ cho DTTS liên quan đến công tác tuyên truyền của Đảng và nhà nước, thuộc vào công ích của sự nghiệp văn hóa nên trung ương và chính quyền địa phương của Trung Quốc hỗ trợ nguồn tài chính xuất bản, phát hành miễn phí cho người dân (Bạch Nhuận Sinh, 2003).

Tháng 7/1954, Cục Chính trị trung ương Trung Quốc thông qua quyết định cải cách công tác báo in và cho rằng: báo in khu vực DTTS cần phải chú ý tuyên truyền chính sách dân tộc của Đảng, chủ nghĩa yêu nước và đoàn kết dân tộc. Căn cứ vào đặc điểm từng khu vực để tiến hành tuyên truyền con đường quá độ của Đảng phù hợp với từng khu vực, từng dân tộc cụ thể, nếu đủ điều kiện có thể thành lập cơ quan báo in DTTS. Chủ trương này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với lĩnh vực báo in của ngành truyền thông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà nước. Nội dung báo in trong giai đoạn này luôn đề cao tính đoàn kết, chống kỳ thị tộc người. Tại điều 53 trong “Cương lĩnh chung của Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc” còn quy định chính quyền địa phương các cấp phải hỗ trợ đồng bào DTTS xây dựng và phát triển sự nghiệp chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục (Tân Hoa xã, 1949). Giai đoạn đầu, các tờ báo tích cực đưa tin về công tác xây dựng đất nước, nhất là sự thành công của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Một số tờ báo nổi tiếng thời kỳ này như Báo Nhân dân, Báo Chính trị Hiệp thương nhân dân, Báo Đại gia đình dân tộc... được xuất bản với số lượng lớn, phát hành đến từng địa phương.

Vượt qua Đại cách mạng văn hóa (1966 - 1976), bước vào thời kỳ cải cách, dưới sự cổ vũ của chính quyền các cấp, tin tức báo chí thuộc lĩnh vực DTTS của Trung Quốc có bước phát triển nhanh chóng. Tháng 2/1980, Cục Truyền thông, Bộ Tuyên truyền triệu tập Hội nghị cán bộ của các tỉnh và khu tự trị DTTS thảo luận về công tác báo in. Hội nghị nêu rõ: (1) Tiếp tục thảo luận vấn đề báo in DTTS, trong đó xác định báo in là sợi dây quan trọng của mối liên hệ giữa DTTS với Đảng và nhà nước; (2) Để hoàn thành nhiệm vụ này cần phải từng bước điều chỉnh, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí, nhất là cán bộ cơ sở; (3) Nội dung phải hàm chứa các thông tin chỉ đạo của Đảng và nhà nước trong việc tuyên truyền tư tưởng chính trị, thúc đẩy cải cách xã hội, kinh tế, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học cho DTTS và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc. Hơn nữa, cố gắng thống nhất hình thức dân tộc và nội dung của chủ nghĩa xã hội, trong đó cần phản ánh tinh hoa đặc sắc, chứa

đựng bản sắc tộc người (Chu Bình, 2007). Nhiệm vụ trên đã được ngành báo in thực hiện thành công. Năm 1986, Bộ Tuyên truyền và Ủy ban Dân tộc quốc gia Trung Quốc đã triệu tập “Hội nghị giao lưu kinh nghiệm công tác báo chí dân tộc thiểu số toàn quốc”. Lãnh đạo Trung Quốc chỉ đạo tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đã được đưa ra từ hội nghị lần trước, song nhấn mạnh tăng cường tính đoàn kết giữa các dân tộc, lấy đoàn kết và xây dựng tuyên truyền làm chủ đề chính. Kiên trì xây dựng nội dung theo hướng làm nổi bật tính đặc sắc của dân tộc nhưng đảm bảo tính dân tộc theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Giữa các tờ báo đảm trách vấn đề dân tộc cần có sự tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác phát triển, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và đặc biệt chú ý đến khu vực biên giới, nơi giao thông đi lại khó khăn (Bạch Nhuận Sinh, 2003).

Kể từ những năm 1990, nhất là từ khi kết nối với mạng internet thế giới, ngành tin tức truyền thông DTTS của Trung Quốc có những bước phát triển mạnh mẽ. Với mục đích tăng cường tuyên truyền tư tưởng chính trị, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa đến với mọi người dân, Chính phủ Trung Quốc không ngừng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật phát triển mạng lưới báo in. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, tính đến tháng 9/2006 có hơn 200 các loại báo in, trong đó 99 tờ báo in bằng chữ của các DTTS, sử dụng chữ viết của hơn 10 dân tộc. Ngoài ra, có 23 nhà xuất bản sử dụng phát hành sách bằng chữ viết của hơn 20 dân tộc. Đài phát thanh truyền hình của trung ương và địa phương mỗi ngày phát thanh hơn 20 ngôn ngữ của các dân tộc khác nhau (Bạch Nhuận Sinh, Ninh Lương Hồng, 2008). Ngoài ra, các trang báo điện tử cũng không ngừng phát triển. Năm 2009, Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành “Một số ý kiến của Quốc vụ viện về từng bước phát triển phần vinh sự nghiệp văn hóa dân tộc thiểu số”. Trong đó có đề cập đến việc xuất bản tin tức, ấn phẩm cho đồng bào DTTS, tăng cường xuất bản các ấn phẩm bằng chữ viết của một số DTTS, tặng miễn phí sách báo cho người dân, xây dựng các trang web, báo điện tử (Quốc vụ viện Trung Quốc, 2009). Chấp hành chủ trương trên, các khu tự trị dân tộc trên cả nước tích cực áp dụng số hóa truyền thông, xây dựng trang web điện tử. Tính đến cuối năm 2010, toàn bộ khu tự trị Tân Cương có 5.930 trang web, trong đó 426 trang web sử dụng chữ viết của một số dân tộc. Khoảng 10 năm trở lại đây, hạ tầng internet được đầu tư mở rộng và nâng cấp, mức độ phủ sóng gần như toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc. Tỷ lệ sử dụng internet của người dân đạt hơn 50%, với hơn 600 triệu người truy cập internet qua điện thoại di động. Hơn nữa, đối tượng truy cập internet không chỉ ở giới trẻ, mà còn phổ biến ở người già. Điều này giúp báo điện tử ngày càng phát triển và đang dần thế chỗ báo in truyền thống (Trần Chung Hạo, 2019).

## **2. Đặc điểm của chính sách truyền thông dân tộc thiểu số**

Để đảm bảo đất nước ổn định phát triển, Chính phủ Trung Quốc xác định việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, chương trình mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa đối với các DTTS cần phải mang tầm chiến lược quốc gia. Bên cạnh đó, việc nâng cao vai trò của các dân tộc vùng biên trong giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người, bảo đảm an

ninh quốc phòng, mở rộng tầm ảnh hưởng đối với các nước xung quanh cũng rất có ý nghĩa. Vì vậy, trong chính sách truyền thông với DTTS và khu vực biên giới của Trung Quốc luôn hàm chứa tư tưởng chính trị của kiến trúc thượng tầng.

### **2.1. Tinh thần đoàn kết dân tộc, cấm kỳ thị, tôn trọng tôn giáo, tộc người được đặt lên hàng đầu**

Trong chính sách truyền thông đối với DTTS, Chính phủ Trung Quốc luôn đề cao tinh thần đoàn kết, cấm các hành vi kỳ thị tôn giáo, văn hóa giữa các tộc người. Tại điều 50, chương 6 trong “Cương lĩnh chung của Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc” năm 1949 nêu rõ: Các dân tộc trong nội địa của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền bình đẳng như nhau, phản đối chủ nghĩa dân tộc lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, cấm kỳ thị giữa các dân tộc, các hành vi áp bức và chia rẽ đoàn kết dân tộc. Tại điều 53 còn quy định: Chính quyền địa phương các cấp phải giúp đỡ quần chúng nhân dân các DTTS xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa và giáo dục (Tân Hoa xã, 1949). Những quy định trên như kim chỉ nam cho công tác truyền thông đối với các DTTS ở Trung Quốc và đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Giai đoạn đầu thực hiện công tác truyền thông còn nhiều hạn chế, đầu đó làm tổn thương đến một số DTTS. Tháng 5/1951, Chính phủ Trung Quốc ban hành chỉ thị về việc xử lý những kỳ thị hoặc xỉ nhục tên gọi, địa danh đối với các DTTS. Chỉ thị nêu rõ, trong quá trình thực hiện công việc, chính quyền địa phương các cấp cần phải có sự kết hợp với chính sách dân tộc, tiến hành công tác tuyên truyền giáo dục trước, đặc biệt tại những vùng có sự cộng cư giữa người Hán với người DTTS để tránh xung đột. Truyền thông dân tộc cần thực hiện vai trò thúc đẩy tính đoàn kết giữa các dân tộc (Chu Ân Lai, 1951).

Trong giai đoạn Đại cách mạng văn hóa tư tưởng, do chỉ đạo của giới cầm quyền cánh tả theo hướng tiêu cực nên công tác truyền thông mắc phải nhiều sai lầm. Nội dung tin tức bị cắt xén, đơn điệu, truyền bá tư tưởng phái tả, ngôn luận thiếu thực tế. Các hoạt động văn hóa dân tộc đời thường bị quy kết thành “cải tạo phong kiến, tư sản”, mang tính chất mê tín dị đoan, bị đưa vào danh sách cấm kỵ, làm mất đi tính đặc sắc của văn hóa tộc người (Trần Tuấn Tuấn, 2006). Điều này tạo ra các kỳ thị, mâu thuẫn tộc người, nhất là ở những vùng có sinh sống xen cài giữa người Hán với người các DTTS. Khó khăn đoàn kết giữa các dân tộc không được duy trì, gây nên những bất ổn trong xã hội Trung Quốc. Tình trạng này chỉ được khắc phục sau Đại hội Đảng lần thứ XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc (1978).

Bước sang thời kỳ cải cách đến nay, tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc được Đảng và Chính phủ Trung Quốc đặc biệt coi trọng, nhất là trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa và sự phổ cập của kỹ thuật số. Giai đoạn đầu công cuộc cải cách, nội dung của một số tờ báo, tác phẩm văn học nghệ thuật, kịch bản, tiểu thuyết viết về đời sống hàng ngày của các DTTS chưa được thỏa đáng, vẫn chứa đựng những thông tin chưa thực tế, xúc phạm đến hình tượng nhân vật lịch sử,... Do vậy, năm 1983, Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành thông tư liên quan đến báo cáo tuyên truyền, công tác sáng tạo nghệ thuật cần phải chính xác, nhất là liên quan đến tập tục, tôn giáo của DTTS (Trương Tiểu Bình, 1997). Năm 1985, Bộ Thống nhất chiến tranh

ban hành “Thông tư về việc công khai phát hành sách, báo chí cần phải thận trọng với các vấn đề tôn giáo, dân tộc”. Văn kiện số 19 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu rõ: Các bài viết phát hành công khai trên báo chí liên quan đến vấn đề tôn giáo cần có thái độ thận trọng, tránh làm mất đi tình cảm tôn giáo của tín đồ. Năm 1986, Bộ Tuyên truyền và Ủy ban Dân tộc quốc gia triệu tập Hội nghị toàn quốc về báo in dân tộc đã nhấn mạnh: các hoạt động báo chí, truyền thông đối với vùng DTTS, biên giới phải lấy đoàn kết, cải cách và xây dựng làm chủ đề chính; xử lý nghiêm những hoạt động mang tính kỳ thị, chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi; phát triển đa dạng các mối quan hệ tộc người, tăng cường giao lưu hợp tác lẫn nhau, nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc (Chu Bình, 2007).

Năm 1987, Bộ Tuyên truyền và Ủy ban Dân tộc quốc gia ban hành “thông báo về việc nghiêm cấm các sự việc, hành động coi thường DTTS trong tin tức và sáng tác văn hóa nghệ thuật”. Thông báo nêu rõ: Hy vọng những người làm công tác về tin tức, báo chí, phát thanh truyền hình, điện ảnh, xuất bản, văn hóa nghệ thuật... liên quan đến DTTS cần nghiên cứu điều tra, trải nghiệm cuộc sống, tìm hiểu một cách toàn diện, có chiều sâu, hiểu về đời sống sản xuất, sinh hoạt, tư tưởng và nguyện vọng, quá khứ lẫn hiện tại của người dân. Đồng thời, nghiêng về phản ánh hai phương diện của dân tộc là thành tựu trong xây dựng đời sống văn minh và sự kiện tiên tiến, tập trung vào lịch sử dân tộc, truyền thống văn hóa và diện mạo đời sống chủ nghĩa xã hội. Những nội dung liên quan đến hôn nhân, gia đình, tập tục, tín ngưỡng... phải theo nguyên tắc có lợi, hạn chế những yếu tố gây bất lợi cho người dân, hết sức xem xét tính hiệu quả xã hội. Năm 1994, Ủy ban Dân tộc quốc gia và Bộ Tuyên truyền ban hành “thông tư nghiêm cấm xuất hiện nội dung làm tổn hại đoàn kết dân tộc trong các tin tức, xuất bản văn hóa phẩm, nghệ thuật” nhằm tăng cường đoàn kết dân tộc.

## ***2.2. Ngôn ngữ, chữ viết dân tộc thiểu số - công cụ đắc lực của truyền thông***

Trong một quốc gia đa dân tộc, nhiều tộc người có chữ viết và ngôn ngữ riêng lại chưa sử dụng thành thạo chữ Hán như Duy Ngô Nhĩ, Mông Cổ... là trở ngại lớn đối với việc tuyên truyền tư tưởng, chính sách của Đảng và nhà nước. Vì vậy, giới lãnh đạo Trung Quốc xác định, trước mắt cần phải sử dụng ngôn ngữ DTTS trên phương tiện báo in, phát thanh và truyền hình. Đầu năm 1950, Chính phủ Trung Quốc đã triệu tập Hội nghị công tác truyền thông, đưa ra quyết định xây dựng và thành lập chương trình phát thanh tiếng dân tộc Mông Cổ, Tạng, Triều Tiên cho Đài phát thanh truyền hình trung ương. Ngày 22/5/1950, Ban phát thanh tiếng dân tộc ra đời, áp dụng 8 chương trình phát thanh sử dụng ngôn ngữ Mông Cổ, Tạng, Duy Ngô Nhĩ... với 20 giờ phát sóng trong một ngày. Nội dung bao phủ của các chương trình này là tuyên truyền chính sách của Đảng và nhà nước Trung Quốc, giúp người nghe hiểu được tình hình chính trị, các tin tức quan trọng trong và ngoài nước, dự báo thời tiết, thông tin giải trí. Cùng với đó, chương trình giới thiệu kiến thức sản xuất, y học dân gian dần được hình thành (Chu Bình, 2007). Đây là nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Chương trình phát thanh tiếng dân tộc của Trung Quốc.

Thời kỳ đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa, truyền thông DTTS đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Trung Quốc. Họ đã đưa ra một số nghị quyết, văn kiện mang tính cương lĩnh đối với sự nghiệp truyền thông tin tức DTTS. Như đã đề cập, tại Hội nghị công tác truyền thông năm 1959, Tân Hoa xã đã đặt văn phòng đại diện tại Tân Cương, Thanh Hải, Vân Nam và một số nơi khác để tìm hiểu, giúp đỡ hệ thống truyền thông địa phương. Song, cuối năm 1960, do kinh tế của Trung Quốc gặp khó khăn nên Đài phát thanh và truyền hình nhân dân trung ương ngừng phát thanh tiếng dân tộc, giải tán Bộ Dân tộc. Điều này tạo ra sự phản ứng mạnh mẽ của một số tộc người. Năm 1961, quần chúng nhân dân vùng DTTS và đài phát thanh truyền hình vùng dân tộc gửi thư đến Quốc vụ viện và Ủy ban Dân tộc quốc gia yêu cầu khôi phục chương trình phát thanh tiếng dân tộc. Trước tình hình trên, giới lãnh đạo Trung Quốc đã triệu tập Hội nghị Công tác dân tộc tại Thanh Đảo (1962) và thống nhất khôi phục lại chương trình phát thanh tiếng DTTS trên đài phát thanh truyền hình trung ương. Những văn kiện quan trọng, quy phạm của trung ương đều được chuyển sang ngôn ngữ của một số DTTS, thông qua hệ thống phát thanh kịp thời truyền tải đến với người dân. Dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chu Ân Lai, chương trình phát thanh tiếng dân tộc được khôi phục với ba ngôn ngữ là Mông Cổ, Duy Ngô Nhĩ và Karagtan (Chu Bình, 2007).

Giai đoạn Đại cách mạng văn hóa, nhóm cầm quyền cánh tả đã sử dụng phương tiện truyền thanh làm công cụ đấu tranh chính trị, gây dựng thanh thế, tạo điều kiện cho truyền thanh có bước phát triển mới, nhất là phát thanh tiếng dân tộc. Năm 1976, ở Tây Tạng đã tổ chức Hội nghị chế định quy hoạch phát triển và phương châm xây dựng ngành truyền thông. Tại đây, nhiệm vụ xây dựng chương trình phát thanh tiếng Tạng song song với tiếng Hán, đồng thời đưa sự nghiệp truyền thông ở Tây Tạng vào kế hoạch phát triển 5 năm trong kế hoạch xây dựng phương châm hoạt động của ngành Truyền thông. Mặc dù khó tránh khỏi sự ảnh hưởng tiêu cực từ tư tưởng chính trị của cánh tả, song truyền thông khu vực DTTS và biên giới đã có bước phát triển mới.

Từ cải cách kinh tế (1978) đến nay, Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng chương trình phát triển tiếng dân tộc ở những nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống. Từ trung ương đến địa phương được đầu tư trang bị phương tiện truyền thông hiện đại, nội dung chương trình, thời lượng và tần suất phát sóng tiếng dân tộc ngày càng đa dạng. Năm 2010, như đã trình bày, Đài phát thanh trung ương Trung Quốc sử dụng 6 ngôn ngữ địa phương, chủ yếu tiếng Mông Cổ, Tạng, Duy Ngô Nhĩ, Triều Tiên... với thời lượng 30 tiếng trên ngày (Lý Thiên Lam, Vương Hạng Đông, 2013). Dưới sự hỗ trợ của Chính phủ, tại các khu tự trị và vùng có nhiều DTTS sinh sống đã hình thành hệ thống phát thanh tiếng dân tộc theo bốn cấp từ tỉnh (thủ phủ khu tự trị) đến từng bản làng với nhiều ngôn ngữ khác nhau phát thanh tin tức thời sự, văn hóa giải trí, chuyên đề,... Đài phát thanh tỉnh Vân Nam sử dụng 21 ngôn ngữ DTTS, mỗi loại ngôn ngữ được phát thanh 45 phút/ngày. Đài phát thanh Tân Cương sử dụng 4 loại ngôn ngữ dân tộc, với thời lượng phát sóng tương đối lớn. Nội dung của các chương trình trên truyền tải các thông tin thời sự quan trọng trong và ngoài nước; ngoài ra còn đề cập đến kiến thức phát triển nông nghiệp, văn hóa giải trí, phim ảnh,... (Chu Bình, 2007).

Cuối những năm 1990, các vấn đề về nhân quyền nổi lên ở khu tự trị Tây Tạng buộc giới lãnh đạo Trung Quốc phải hành động nhằm ổn định tình hình chính trị trong nước và đối phó với dư luận quốc tế. Năm 1998, Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành văn kiện mới về sự nghiệp nhân quyền khu tự trị Tây Tạng, trong đó nêu rõ: báo chí, truyền thanh, truyền hình Tây Tạng phải sử dụng hai ngôn ngữ chữ viết là chữ Hán và chữ Tạng trong các cơ quan, trên các biển hiệu trên đường, những nơi công cộng. Những người làm học thuật, văn hóa văn nghệ của dân tộc Tạng đều sử dụng ngôn ngữ chữ viết của dân tộc mình để viết và trình bày kết quả nghiên cứu. Bảo hộ việc xuất bản phẩm sử dụng ngôn ngữ chữ viết của khu vực Tây Tạng (Bạch Nhuận Sinh, Ninh Lương Hồng, 2008).

### ***2.3. Xây dựng văn hóa xuyên biên giới***

Khu vực biên giới của Trung Quốc là nơi định cư của nhiều DTTS có nền văn hóa đặc sắc, đồng thời có quan hệ thân tộc, đồng tộc, chung ngôn ngữ với một số dân tộc ở các nước láng giềng. Vì vậy, xây dựng và phát huy giá trị độc đáo trong văn hóa của các DTTS trong nước để tạo ra sức ảnh hưởng vượt qua biên giới là một trong những chủ trương chính sách mới của Chính phủ Trung Quốc xuất hiện vào đầu thế kỷ XXI. Năm 2000, Bộ Văn hóa, Ủy ban Dân tộc quốc gia ban hành “Ý kiến về việc từng bước tăng cường công tác văn hóa dân tộc thiểu số” nhằm phát huy tinh hoa, đặc sắc văn hóa của mỗi dân tộc, nhất là các dân tộc vùng biên giới. Chủ trương này sau đó được phát triển lồng ghép trong đại chiến lược “Một vành đai, một con đường” và được nhấn mạnh trong bài phát biểu tại Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ XIX của Tổng Bí thư Trung Quốc Tập Cận Bình: công tác tuyên truyền đối ngoại phải đưa những câu chuyện tốt, đặc sắc của Trung Quốc ra bên ngoài, nó không chỉ là hình ảnh của một tộc người mà còn là niềm tự hào của quốc gia (Trương Phong, 2013). Hoạt động truyền thông văn hóa ra nước ngoài được thể hiện ở ba hình thức: dòng chảy di cư xuyên biên giới của các DTTS, văn hóa phẩm và nhận thức văn hóa (Trịnh Vĩnh Thọ, 2017).

Ngôn ngữ và văn hóa tộc người được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất để thực hiện mở rộng tầm ảnh hưởng ra bên ngoài. Dọc biên giới Trung Quốc, nhiều DTTS có chung nguồn gốc ngôn ngữ, quan hệ đồng tộc ở bên kia biên giới. Do vậy, trong quá trình xây dựng chính sách truyền thông, Chính phủ Trung Quốc đã khéo léo tận dụng ưu điểm này tạo ra sức ảnh hưởng ở khu vực vùng biên: tăng cường phát triển kinh tế vùng biên giới, thu hút lực lượng lao động là người DTTS ở các nước láng giềng đến làm việc; đầu tư cơ sở vật chất hiện đại cho hệ thống phát thanh, truyền hình ở địa phương với các chương trình phát thanh tiếng dân tộc. Bên cạnh đó, tăng cường quảng bá, mở lớp đào tạo tiếng Hán trên phạm vi toàn cầu (Vương Mẫn, 2021). Tỉnh Quảng Tây là một ví dụ điển hình trong việc truyền bá sức mạnh văn hóa sang các nước láng giềng. Họ xây dựng các chương trình phát thanh tiếng Choang với số lượng, tần suất lớn trong một ngày, phủ sóng cường độ mạnh ở khu vực biên giới; khôi phục và tổ chức lễ hội âm nhạc, vũ đạo văn hóa truyền thống dân tộc mang tính quốc tế; in ấn và phát hành băng đĩa ca nhạc tuyên truyền (Trịnh Vĩnh Thọ, 2017), từ đó tạo nên sức hút đối với những người đồng tộc ở bên kia biên giới.

## Kết luận

Do diện tích rộng, nhiều thành phần dân tộc, trong khi các DTTS lại cư trú nơi vùng sâu và biên cương có điều kiện địa hình khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội, khác biệt về ngôn ngữ và phong tục tập quán, nên Trung Quốc rất quan tâm xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc và đảm bảo an ninh quốc phòng, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Trong đó, nguyên tắc đặt ra là đảm bảo người dân các DTTS có thể tiếp thu và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Đây là vấn đề vừa mang tính cấp thiết, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài không chỉ của Trung Quốc mà của tất cả các quốc gia đa dân tộc khác.

Để giải quyết tốt các vấn đề trên, Chính phủ Trung Quốc lấy thông tin và truyền thông làm công cụ thực hiện. Ngay từ khi thành lập nước, Chính phủ Trung Quốc đã tiến hành nhiều biện pháp thúc đẩy ngành thông tin truyền thông ở vùng DTTS như: ban hành các văn bản pháp luật, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông, cung cấp nguồn tài chính đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước hiện đại hóa trang bị cho hệ thống phát thanh truyền hình. Bên cạnh đó, ngành báo in cũng xây dựng được mạng lưới từ trung ương đến cơ sở với 223 tờ báo thuộc nhiều thể loại, trong đó không ít tờ báo sử dụng song song nhiều ngôn ngữ DTTS. Những năm gần đây, mạng lưới internet, viễn thông phủ sóng khắp nơi trong cả nước Trung Quốc, hàng trăm trang web được xây dựng. Điều này giúp người dân thuận lợi trong việc tiếp nhận các nguồn thông tin.

Cơ sở hạ tầng tốt là điều kiện thuận lợi để triển khai chính sách truyền thông. Thông qua việc xây dựng nội dung bằng tiếng Hán và nhiều ngôn ngữ tộc người thiểu số, với thời lượng, tần suất phát đi ngày càng gia tăng, giúp đội ngũ tuyên truyền nhanh chóng chuyển tải chủ trương chống kỳ thị dân tộc, tôn giáo, văn hóa để xây dựng đại đoàn kết dân tộc, thực hiện các mục tiêu xây dựng kinh tế - xã hội, văn hóa. Sử dụng ngôn ngữ DTTS giúp họ bảo tồn, xây dựng và phát huy giá trị văn hóa tộc người và là phương tiện để Chính phủ Trung Quốc khéo léo vận dụng vào việc mở rộng tầm ảnh hưởng đối với các nước xung quanh. Ở mức độ nào đó, sử dụng song song ngôn ngữ DTTS với tiếng Hán còn là công cụ quan trọng trong giải quyết mâu thuẫn tộc người, đảm bảo an ninh quốc gia, mà trường hợp khu tự trị Tây Tạng là ví dụ điển hình.

## Tài liệu tham khảo

1. Đổng Hải An (2009), “Mấy suy nghĩ về phát triển phát thanh và truyền hình đối với dân tộc thiểu số vùng biên giới”, *Tạp chí Truyền hình đương đại*, số 10, tr. 30-32.
2. Chu Bình (2007), “Khái quát 20 năm phát triển sự nghiệp tin tức dân tộc”, *Tạp chí Tân Tây Bộ*, số 20, tr. 244 và 248.
3. Trương Tiểu Bình (1997), “Mấy vấn đề về phát thanh và truyền hình dân tộc thiểu số ở Trung Quốc”, *Tạp chí Phát thanh truyền hình Trung Quốc*, số 6, tr. 5-12.

4. Trần Chung Hạo (2019), “Tìm hiểu sự thay đổi môi trường truyền thông báo chí tại vùng dân tộc ít người”, *Tạp chí Truyền thông tin tức*, số 11, tr. 118-119.
5. Chu Ân Lai (1951), *Hướng dẫn của Hội đồng Chính phủ về cấm phân biệt đối xử hoặc xúc phạm tên gọi, địa danh, bia, bảng đối với dân tộc thiểu số*, Tài liệu tham khảo về Di tích văn hóa, số 1, tr. 1-2.
6. Lý Thiên Lam, Vương Hạn Đông (2013), “Suy nghĩ về sự phát triển của truyền hình điện ảnh dân tộc thiểu số ở Trung Quốc từ cải cách đến nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Hồ Bắc*, số 3, tr. 190-194.
7. Vương Mẫn (2021), “Tìm hiểu và phân tích chiến lược truyền bá không gian văn hóa của văn hóa Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu phổ biến văn hóa*, số 6, tr. 72-74.
8. Trương Phong (2013), “Tám điểm nổi bật trong bài phát biểu quan trọng của Tập Cận Bình ngày 19 tháng 8”, *Tạp chí Nhân dân luận đàm*, số 9, tr. 34-36.
9. Quốc vụ viện Trung Quốc (2009), *Một số ý kiến của Quốc vụ viện về việc từng bước phát triển phồn vinh sự nghiệp văn hóa dân tộc thiểu số*, số 29, ban hành ngày 23/03/2009, trên trang [http://www.gov.cn/zhengce/content/2009-07/23/content\\_5614.htm](http://www.gov.cn/zhengce/content/2009-07/23/content_5614.htm) (Truy cập ngày 19/12/2021).
10. Quốc vụ viện Trung Quốc (2015), “Ý kiến về việc đẩy nhanh xây dựng hệ thống văn hóa công cộng hiện đại”, trên trang [http://www.gov.cn/gongbao/content/2015/content\\_2809127.htm](http://www.gov.cn/gongbao/content/2015/content_2809127.htm) (Truy cập ngày 20/12/2021).
11. Bạch Nhuận Sinh (2003), “Xây dựng và phát triển ngành tin tức truyền thông dân tộc ít người ở Trung Quốc”, *Tạp chí Tìm hiểu tin tức dân tộc*, số 1, tr. 10-15.
12. Bạch Nhuận Sinh, Ninh Lương Hồng (2008), “Một số vấn đề còn tồn tại trong quá trình phát triển truyền thanh tin tức dân tộc ít người”, *Tạp chí Truyền thông hiện đại*, số 2, tr. 61-63.
13. Tân Hoa Xã (1949), “Cương lĩnh chung của Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc”, trên trang <http://www.cppcc.gov.cn/2011/12/16/ARTI1513309181327976.shtml> (Truy cập ngày 20/12/2021).
14. Trịnh Vĩnh Thọ (2017), “Chiến lược truyền bá văn hóa xuyên biên giới của các dân tộc vùng biên cương (Nghiên cứu trường hợp có cùng nguồn gốc văn hóa của người Choang tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với người Tày, Nùng ở Việt Nam)”, *Tạp chí Đại học sư phạm dân tộc Quảng Tây*, số 3, tr. 95-99.
15. Trần Tuấn Tuấn (2006), “Đặc điểm của Báo cáo dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Truyền thông đương đại*, số 1, tr. 47-50.